

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày: 07 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Trần Trọng Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị Hoài T**, sinh năm 2001; giới tính: Nữ; ĐKKHKT và Nơi cư trú: Xóm 15 xã H, huyện H, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: sinh viên; con ông Lê Văn D (đã chết); con bà Đỗ Thị L, sinh năm 1971; gia đình có 4 chị em, bị cáo là con 3; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt từ ngày 07-01-2022 sau chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 11-01-2003; giới tính: Nữ; HKTT và Nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; con bà Đinh Thị H, sinh năm 1975; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 2000; giới tính: Nam; ĐKKHKT: Xã H, huyện G, tỉnh H; Nơi cư trú: 8/77 T, phường M, thành phố N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: sinh viên; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; con bà Đoàn Thị D, sinh năm 1982; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh NLQ1, sinh năm 2005; trú tại: xóm 15, xã H, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
2. Chị NLQ2, sinh năm 2004; trú tại: xóm Q, xã X, huyện X, tỉnh N.
Vắng mặt.
3. Anh NLQ3, sinh năm 2003; trú tại: xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
4. Anh NLQ4, sinh năm 2003; trú tại: TDP 2, thị trấn Y, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
5. Chị NLQ5, sinh năm 2003; trú tại: xóm 2, xã H1, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
6. Chị NLQ6, sinh năm 2003; trú tại: xóm 1, xã Hải H, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
7. Anh NLQ7, sinh năm 2003; trú tại: xóm 10, xã H8, huyện H, tỉnh N. Có mặt.
8. Chị NLQ8, sinh năm 2004; trú tại: xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh N. Có mặt.
9. Chị NLQ9, sinh năm 2004; trú tại: xóm 5, xã H2, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt.
10. Chị NLQ10, sinh năm 2003; trú tại: xóm 7, xã H1, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
11. Chị NLQ11, sinh năm 2003; trú tại: xóm 3, xã X1, huyện X, tỉnh N.
Vắng mặt.
12. Chị NLQ12, sinh năm 2003; trú tại: xóm 7, xã H2, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
13. Anh NLQ13, sinh năm 2003; trú tại: xóm 3, xã H3, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
14. Chị NLQ14, sinh năm 2003; trú tại: TDP 4 - thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.
15. Anh NLQ15, sinh năm 2003; trú tại: xóm Đ, xã H4, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
16. Chị NLQ16, sinh năm 2003; trú tại: xóm 15, xã H5, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
17. Chị NLQ17, sinh năm 2003; trú tại: xóm 1, xã X1, huyện X, tỉnh N.
Vắng mặt.
18. Chị NLQ18, sinh năm 2003; trú tại: xóm 19, xã H6, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.

19. Chị NLQ19, sinh năm 2003; trú tại: xóm 1, xã H7, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
20. Chị NLQ20, sinh năm 2003; trú tại: xóm 19, xã H7, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
21. Anh NLQ21, sinh năm 2002; trú tại: xóm 18, xã H5, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
22. Anh NLQ22, sinh năm 2003; trú tại: xóm 14, xã H5, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
23. Chị NLQ23, sinh năm 2004; trú tại: xóm 16, xã H8, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
24. Chị NLQ24, sinh năm 2004; trú tại: xóm N, xã H9, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
25. Chị NLQ25, sinh năm 2003; trú tại: xóm N, xã H9, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
26. Chị NLQ26, sinh năm 2004; trú tại: xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
27. Anh NLQ27, sinh năm 2003; trú tại: xóm N, xã H9, huyện H, tỉnh N.
Vắng mặt.
28. Anh NLQ28, sinh năm 2003; trú tại: xóm 14, xã H7, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
29. Chị NLQ29, sinh năm 2003; trú tại: xóm 12, xã H5, huyện H, tỉnh N.
Có mặt.
30. Anh NLQ30, sinh năm 2000; trú tại: xã P, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt.
31. Anh NLQ31, sinh năm 2000; trú tại: số 82 chợ H10, phường H10,
Thành phố N, tỉnh N. Có mặt.
32. Anh NLQ32, sinh năm 2002; trú tại: 53/106 N, Thành phố N, tỉnh N.
Vắng mặt.
33. Anh NLQ33; sinh năm 2002; trú tại: 42/36 V, phường N, Thành phố
N, tỉnh N. Vắng mặt.
34. Chị NLQ34, sinh năm 2002; trú tại: 8/77 T, phường M, Thành phố N,
tỉnh N. Có mặt.
35. Chị NLQ35, sinh năm 2003; trú tại: 71/91 đường 19/5 Thành phố
N, tỉnh N. Vắng mặt.
36. Chị NLQ36, sinh năm 2002; trú tại: 16b H, phường N, Thành phố N,
tỉnh N. Có mặt.
37. Chị NLQ37, sinh năm 2002; trú tại: 53/178 T, Thành phố N, tỉnh N.
Có mặt.

38. Anh NLQ38, sinh năm 2002; trú tại: 4/106 N, T, Thành phố N. Vắng mặt.
39. Anh NLQ39, sinh năm 2002; trú tại: 54 N, phường N, Thành phố N, tỉnh N. Có mặt.
40. Chị NLQ40, sinh năm 2002; trú tại: 19 Đ, phường T, Thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.
41. Chị NLQ41, sinh năm 2002; trú tại: 3/452 T, phường M, Thành phố N, tỉnh N. Có mặt.
42. Chị NLQ42, sinh năm 2002; trú tại: 31/188 T, phường N, Thành phố N, tỉnh N. Có mặt.
43. Anh NLQ43, sinh năm 2001; trú tại: số 8 Thủy Cơ II, Tổ 14, phường C, Thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.
44. Anh NLQ44, sinh năm 2004; trú tại: 19/30 Nguyễn Thi, phường L, Thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.
45. Chị NLQ45, sinh năm 2002; trú tại: 383 P, phường L, Thành phố N. Vắng mặt.
46. Anh NLQ46, sinh năm 2003; trú tại: 16D 5 tầng, số 2 Trần Đăng Ninh, Thành phố N. Có mặt.
47. Anh NLQ47, sinh năm 2001; trú tại: xóm 14, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh N. Vắng mặt.
48. Anh NLQ48, sinh năm 2003; trú tại: 3/130 P, T, Thành phố N. Vắng mặt.
49. Anh NLQ49, sinh năm 2003; trú tại: xóm 1, xã Xuân Trung, huyện X, tỉnh N. Vắng mặt.
50. Anh NLQ50, sinh năm 2003; trú tại: 5/15 T, phường N, Thành phố N. Vắng mặt.
51. Anh NLQ51, sinh năm 2003; trú tại: 12/8/45 P, phường L, Thành phố N. Vắng mặt.
52. Anh NLQ52, sinh năm 2003; trú tại: 8/186 Tổ 7, P, phường L, Thành phố N. Vắng mặt.
53. Chị NLQ53, sinh năm 2003; trú tại: xóm 2, xã Đ, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt.
54. Anh NLQ54, sinh năm 2003; trú tại: xóm Trại, xã M, huyện M, tỉnh N. Vắng mặt.
55. Anh NLQ55, sinh năm 1998; trú tại: 7/47 A, phường Q, Thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.
56. NLQ56, sinh năm 2000; trú tại: tổ Trường Chinh 5, phường Q, quận K, thành phố H. Vắng mặt.
57. Anh NLQ57, sinh năm 2001; trú tại: 22/98 Đ, phường Đ, thành phố H. Vắng mặt.
58. Anh NLQ58, sinh năm 2003; trú tại: 3 + 4 B76 khu Đ1, phường C, quận H, thành phố H. Vắng mặt.
59. Anh NLQ59, sinh năm 1990; trú tại: số nhà 3E, tầng 03 tòa nhà M5, khu 9 tầng, L, phường Đ, quận N, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Hoài T hiện đang là sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, có chị gái tên là Lê Thị Hoài T2, sinh năm 1996, hiện đang làm việc và sinh sống như vợ chồng với đối tượng V (sinh năm 1995, có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, Thành phố H) ở Đài Loan. Theo như T khai nhận: Vào khoảng giữa năm 2021, M sử dụng tài khoản Telegram mang tên “Max Mad” nhắn tin đến tài khoản Telegram “Juky24” đăng ký bằng số điện thoại 0356063803 của T bàn bạc thống nhất về việc T thu mua tài khoản Ngân hàng của những người tại Việt Nam sau đó gửi sang Đài Loan để M sử dụng tham gia vào hoạt động rửa tiền tại Đài Loan. Toàn bộ chi phí mở tài khoản, mua sim điện thoại để đăng ký sử dụng dịch vụ Internetbanking M chuyển tiền cho T để T trả cho người lập tài khoản, T đã thỏa thuận mỗi tài khoản sẽ trả cho người lập là 200.000 đồng/ 01 tài khoản. Sau đó T đã nhờ, thuê nhiều người trên địa bàn tỉnh N đăng ký mở nhiều tài khoản cá nhân tại các Ngân hàng khác nhau thu mua lại thông tin các tài khoản này, sau đó chuyển cho V thông qua các công ty chuyển phát nhanh quốc tế.

Ngoài việc tự mình tìm người lập tài khoản, T còn nhờ Nguyễn Thanh H tìm người lập tài khoản đưa cho T. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên H đã đồng ý và đã nhờ được 29 người lập 43 tài khoản thuộc các Ngân hàng BIDV, Vietinbank và Vietcombank sau đó chuyển cho Lê Thị Hoài T. T đã đưa tiền cho H để trả toàn bộ chi phí lập tài khoản Ngân hàng và tiền công mở tài khoản Ngân hàng cho các chủ tài khoản (chủ tài khoản được nhận 200.000 đồng/01 tài khoản). Vì quan hệ quen biết nên H thực hiện hành vi này giúp T và không lấy tiền công trong việc tìm 29 người lập tài khoản để đưa cho T. H khai nhận được T cho biết là việc thu mua các tài khoản Ngân hàng này là dùng để chạy quảng cáo Facebook và Momo.

Tại Cơ quan điều tra, tất cả 29 chủ tài khoản đều khai nhận hành vi sử dụng thông tin cá nhân để làm thẻ Ngân hàng đưa cho H và T; phù hợp với lời khai của H và T, cụ thể như sau:

1. NLQ1 (sinh năm 2005, trú tại xóm 15, xã H5, huyện H, tỉnh N) lập và mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 101874236401 mang tên NLQ1; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

2. NLQ2 (sinh năm 2004, trú tại xóm Quang Trung, xã X1, huyện X, tỉnh N) lập và mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107874245054 mang tên NLQ2; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

3. NLQ3 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 5, xã Hải Vân, huyện H, tỉnh N) lập và mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 103873904166 mang tên NLQ3; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

4. NLQ4 (sinh năm 2003, trú tại: TDP 2, thị trấn Y, huyện H, tỉnh N) lập và mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Vietinbank số 100974257230, 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 9354236720 đều mang tên NLQ4; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 400.000 đồng.

5. NLQ5 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 2, xã H1, huyện H, tỉnh N); lập 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 103874243912 mang tên NLQ5; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

6. NLQ6 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 1, xã Hải H, huyện H, tỉnh N) lập 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 101874244989 và 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 1024203097; sau đó nhận tiền công 400.000 đồng.

7. NLQ7 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 10, xã H8, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 109874235699 mang tên NLQ7; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

8. NLQ8 (sinh năm 2004, trú tại: xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 103874244892 mang tên NLQ8; nhận tiền công mở tài khoản là 200.000 đồng.

9. NLQ9 (sinh năm 2004, trú tại: xóm 5, xã H2, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 103874244892 mang tên NLQ9; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

10. NLQ10 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 7, xã H1, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 109874244199 mang tên NLQ10, sau đó nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

11. NLQ11 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 3, xã X1, huyện X, tỉnh N): 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000905131 mang tên NLQ11, nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

12. NLQ12 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 7, xã H2, huyện H, tỉnh N) mở 03 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107874492146, 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000986101, 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 1024233146 cùng mang tên NLQ12; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 600.000 đồng.

13. NLQ13 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 3, xã H3, huyện H, tỉnh N) mở 03 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 104874439615, 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000892729, 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 9348105307 cùng mang tên NLQ13; sau đó nhận tiền công mở tài khoản là 600.000 đồng.

14. NLQ14 (sinh năm 2003, trú tại: TDP 4 - thị trấn Y, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 9329688016 mang tên NLQ14; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

15. NLQ15 (sinh năm 2003, trú tại: xóm Đông Biên, xã H4, huyện H, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 104874488738 và 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 1024262196 cùng mang tên NLQ15; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 400.000 đồng.

16. NLQ16 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 15, xã H5, huyện H, tỉnh N) mở 03 tài khoản Ngân hàng gồm: 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107874248803, 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000892686 và 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 1024231892 cùng mang tên NLQ16; sau đó nhận tiền công mở tài khoản là 600.000 đồng.

17. NLQ17 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 1, xã X1, huyện X, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 108874489706, 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000903506 cùng mang tên NLQ17; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 400.000 đồng.

18. NLQ18 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 19, xã H6, huyện H, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 9337328203 và 01 tài khoản Vietinbank 100874236224 đều mang tên NLQ18, sau đó nhận tiền công mở tài khoản 400.000 đồng.

19. NLQ19 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 1, xã H7, huyện H, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000903445 và 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 105874489451 cùng mang tên NLQ19; sau đó nhận tiền công mở tài khoản là 400.000 đồng.

20. NLQ20 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 19, xã H7, huyện H, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 9398779017 và 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 104874492382 cùng mang tên NLQ20; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 400.000 đồng.

21. NLQ21 (sinh năm 2002, trú tại: xóm 18, xã H5, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 105874235884 mang tên NLQ21; nhận tiền công mở tài khoản là 200.000 đồng.

22. NLQ22 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 14, xã H5, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 105874235884 mang tên NLQ22; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

23. NLQ23 (sinh năm 2004, trú tại: xóm 16, xã H8, huyện H, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48010000896129 và 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107874483959 cùng mang tên NLQ23, sau đó nhận tiền công mở tài khoản là 400.000 đồng.

24. NLQ24 (sinh năm 2004, trú tại: xóm Nguyễn Châm, xã H9, huyện H, tỉnh N) mở 02 tài khoản gồm 01 tài khoản của Ngân hàng BIDV số 48010000896110, 01 tài khoản của Ngân hàng Vietinbank số 106874612361 đều mang tên NLQ24; sau đó nhận tiền công mở tài khoản 400.000 đồng.

25. NLQ25 (sinh năm 2003, trú tại: xóm N, xã H9, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1024603106 mang tên NLQ25; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

26. NLQ26 (sinh năm 2004, trú tại: xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 102874244754 mang tên NLQ26; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

27. NLQ27 (sinh năm 2003, trú tại: xóm N, xã H9, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1024603106 mang tên NLQ25; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

28. NLQ28 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 14, xã H7, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 109874249182 mang tên NLQ28, nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

29. NLQ29 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 12, xã H5, huyện H, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 101874244282 mang tên NLQ29; nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

* Trong thời gian khoảng giữa năm 2021, theo đề nghị của Lê Thị Hoài T, NLQ30 (sinh năm 2000, trú tại: xã P, huyện N, tỉnh N) đã tự lập 03 tài khoản Ngân hàng gồm: 01 tài khoản Ngân hàng Vpbank số 234068894, 01 tài khoản Vietinbank số 102873562454 và 01 tài khoản Techcombank số 1903740461013 đều mang tên NLQ30. Do L là người yêu của T nên L không nhận tiền công mở tài khoản Ngân hàng, các chi phí mở 03 tài khoản này do T tự chi trả. Ngoài ra L còn nhờ bạn học cùng lớp đại học là NLQ31 (sinh năm 2000, trú tại: số 82 chợ H10, phường H10, Thành phố N, tỉnh N) lập 03 tài khoản Ngân hàng gồm: 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 1903740400016, 01 tài khoản Vpbank số 234070082 và 01 tài khoản Vietinbank số 103873565557 đều mang tên NLQ31, sau đó L đã trả cho P tiền công lập 03 tài khoản trên là 600.000 đồng. L nhờ bạn cùng lớp đại học là Nguyễn Văn V (sinh năm 2000, trú tại: 8/77 T, phường M, Thành phố N) lập 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 804315888 bán lại cho L để L đưa cho T với giá 200.000 đồng, đồng thời L nhờ V tìm nhiều người khác lập tài khoản Ngân hàng bán cho L để L đưa cho T. T hướng dẫn cách thức mở tài khoản và cài đặt Internetbanking để hướng dẫn những người mở tài khoản, đồng thời trả tiền mua sim và tiền mở tài khoản là 200.000đồng/1 tài khoản, V trả cho người lập 150.000 đồng, số tiền 50.000 đồng còn lại V chiếm hưởng. Quá trình điều tra xác định từ khoảng tháng 7/2021, V đã tìm được 11 người mở 11 tài khoản chuyển cho L và T bao gồm:

1. NLQ32 (sinh năm 2002, trú tại: 53/106 N, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vpbank số 243268777 mang tên NLQ32, sau đó đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản là 150.000 đồng.

2. NLQ33 (sinh năm 2002, trú tại: 42/36 V, phường N, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 243269105 mang tên NLQ33, sau đó đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản 100.000 đồng.

3. NLQ34 (sinh năm 2002, trú tại: 8/77 T, phường M, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng bao gồm tài khoản Ngân hàng Vpbank số 24316908 mang tên NLQ34, đưa cho Việt và nhận tiền công mở tài khoản là 200.000 đồng.

4. NLQ35 (sinh năm 2003, trú tại: 71/91 đường 19/5 Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vpbank số 243268699 mang tên NLQ35, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản 200.000 đồng.

5. NLQ36 (sinh năm 2002, trú tại: 16b Hoàng Hoa Thám, phường N, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 243417139 mang tên NLQ36, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản 120.000 đồng.

6. NLQ37 (sinh năm 2002, trú tại: 53/178 T, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vpbank số 243417511 mang tên NLQ37, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản 100.000 đồng.

7. NLQ38 (sinh năm 2002, trú tại: 4/106 N, T, Thành phố N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vpbank số 243416841 mang tên NLQ38, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản 120.000 đồng.

8. NLQ39 (sinh năm 2002, trú tại: 54 N, phường N, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 243268435 mang tên NLQ39, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản là 120.000 đồng.

9. NLQ40 (sinh năm 2002, trú tại: 19 Đỗ M Đạo, phường Trường Thi, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 243392209 mang tên NLQ40, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản là 120.000 đồng.

10. NLQ41 (sinh năm 2002, trú tại: 3/452 T, phường M, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 243390419 mang tên NLQ41, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản là 120.000 đồng.

11. NLQ42 (sinh năm 2002, trú tại: 31/188 T, phường N, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 243128129 mang tên NLQ42, đưa cho V và nhận tiền công mở tài khoản là 100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, 11 đối tượng nêu trên đều khai nhận tự sử dụng thông tin cá nhân để đăng ký tài khoản Ngân hàng rồi bán lại cho Nguyễn Văn V với mục đích chạy quảng cáo facebook và chạy doanh số mở tài khoản của Ngân hàng. Lời khai của 11 đối tượng này phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn V, NLQ30, Lê Thị Hoài T và các tài liệu điều tra thu thập được.

Như vậy, NLQ30 đã tự sử dụng thông tin cá nhân đăng ký, đưa cho T 03 tài khoản Ngân hàng và mua 15 thông tin tài khoản Ngân hàng của người khác (mua của NLQ31 03 tài khoản, của Nguyễn Văn V 01 tài khoản và thông qua V mua lại 11 tài khoản Ngân hàng của 11 người khác nhau) rồi chuyển lại cho T. L khai nhận do là người yêu của T được T nhờ giúp nên L đã tự lập 3 tài khoản và thu thập 15 thông tin tài khoản của người khác chuyển lại cho T như đã nêu trên.

* Khoảng tháng 09/2021, thông qua mạng xã hội Facebook T quen biết và đề nghị NLQ43 (sinh năm 2001, trú tại: số 8 Thủy Cơ II, Tổ 14, phường C, Thành phố N, tỉnh N) tìm người lập tài khoản Ngân hàng để bán cho T. T thỏa thuận với mỗi người giới thiệu mở được 01 tài khoản Ngân hàng T trả cho Đ số tiền 200.000 đồng và trả cho người đi đăng ký mở tài khoản là 200.000 đồng/1 tài khoản. Do Đ chỉ giới thiệu người và không trực tiếp dẫn người đi mở tài khoản Ngân hàng nên Lê Thị Hoài T trực tiếp đề nghị Nguyễn Văn V đứng ra hướng dẫn những người do Đ giới thiệu đi mở tài khoản Ngân hàng và trả công cho V 100.000 đồng/1 người lập tài khoản và được V đồng ý. Sau đó T bảo Đ liên hệ với Nguyễn Văn V để V hướng dẫn những người do Đ giới thiệu đi đăng ký mở tài khoản Ngân hàng. V đã lập một nhóm chat có tên “Nhóm làm thẻ” trên tài khoản Facebook sau đó Đ đã giới thiệu được 04 người vào nhóm để V hướng dẫn mở 04 tài khoản Ngân hàng, Đ đã được T trả tiền công 500.000 đồng. Sau đó Đ liên hệ với NLQ44 (sinh năm 2004, trú tại: 19/30 Nguyễn Thi,

phường L, Thành phố N, tỉnh N) để làm thẻ Ngân hàng. Do N chưa đủ tuổi mở tài khoản Ngân hàng nên N1 đã giới thiệu được 7 người khác vào nhóm để cho V hướng dẫn mở 14 tài khoản Ngân hàng khác nhau. Quá trình điều tra đã có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn V trực tiếp mua 02 tài khoản của NLQ34 (là em gái của V) và NLQ35, thông qua Đ và N1 đã mua được 18 tài khoản Ngân hàng của 11 người, rồi chuyển lại cho Lê Thị Hoài T, cụ thể như sau:

1. NLQ34 (sinh năm 2002, trú tại: 8/77 T, phường Trường Thi, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037407004010 cùng mang tên NLQ34, nhận tiền công mở tài khoản là 200.000 đồng.

2. NLQ35 (sinh năm 2003, trú tại: 71/91 đường 19/5 Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037407061014 mang tên NLQ35, nhận tiền công mở tài khoản là 150.000 đồng.

3. NLQ45 (sinh năm 2002, trú tại: 383 Phù Nghĩa, phường L, Thành phố N) mở 01 tài khoản Vietcombank số 9344295230 mang tên NLQ45, nhận tiền công mở tài khoản là 200.000 đồng.

4. NLQ46 (sinh năm 2003, trú tại: 16D 5 tầng, số 2 Trần Đăng Ninh, Thành phố N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1022961087 mang tên NLQ46, chưa nhận được tiền công.

5. NLQ47 (sinh năm 2001, trú tại: xóm 14, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh N) mở 02 tài khoản Ngân hàng, gồm 01 tài khoản Ngân hàng TPbank số 04735129401, 01 tài khoản Ngân hàng ACB số 21141377 cùng mang tên NLQ47, nhận tiền công mở tài khoản là 300.000 đồng.

6. NLQ48 (sinh năm 2003, trú tại: 3/130 P, T, Thành phố N) mở 03 tài khoản Ngân hàng, gồm: 01 Ngân hàng MBbank số 686814049999, 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 109873804558, 01 tài khoản Ngân hàng TPbank số 04735187401 cùng mang tên NLQ48, nhận tiền công mở tài khoản là 300.000 đồng.

7. NLQ49 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 1, xã Xuân Trung, huyện X, tỉnh N) mở 03 tài khoản Ngân hàng, gồm: 01 tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 102873804325, 01 tài khoản Ngân hàng TPbank số 04735132401, 01 tài khoản Ngân hàng MBbank số 1708608032003 cùng mang tên NLQ49, đã nhận số tiền 300.000 đồng tiền công sau đó đã trả lại cho V.

8. NLQ50 (sinh năm 2003, trú tại: 5/15 Trần Nhân Tông, phường N, Thành phố N) mở 03 tài khoản Ngân hàng, gồm: 01 tài khoản Ngân hàng BIDV số 48610000646742, 01 tài khoản Ngân hàng MBbank số 222520038888, 01 tài khoản Ngân hàng TPbank số 04735158401 cùng mang tên NLQ50, chưa nhận được tiền công.

9. NLQ51 (sinh năm 2003, trú tại: 12/8/45 Phạm N1 Thạch, phường L, Thành phố N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1022989269 mang tên NLQ51, nhận tiền công mở tài khoản là 100.000 đồng.

10. NLQ52 (sinh năm 2003, trú tại: 8/186 Tổ 7, P, phường L, Thành phố N) mở 01 tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1022988913 mang tên NLQ52, nhận tiền công mở tài khoản là 100.000 đồng.

11. NLQ53 (sinh năm 2003, trú tại: xóm 2, xã Đ, huyện N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VPbank số 246324956 mang tên NLQ53, nhận tiền công mở tài khoản là 100.000 đồng.

12. NLQ54 (sinh năm 2003, trú tại: xóm Trại, xã Mỹ H, huyện Mỹ Lộc, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng ACB số 21137607 mang tên NLQ54, nhận tiền công mở tài khoản là 100.000 đồng.

13. NLQ55 (sinh năm 1998, trú tại: 7/47 A, phường Q, Thành phố N, tỉnh N) mở 01 tài khoản Ngân hàng VCB số 1022962520 mang tên NLQ55, chưa nhận được tiền công mở tài khoản.

Quá trình điều tra tất cả 13 đối tượng nêu trên đều khai nhận thông qua sự hướng dẫn của Nguyễn Văn V đã tự sử dụng thông tin cá nhân để mở tài khoản tại nhiều Ngân hàng rồi chuyển lại cho Nguyễn Văn V với mục đích sử dụng để chạy quảng cáo và chạy chỉ tiêu doanh số của Ngân hàng như V giải thích trước đó.

Như vậy, Nguyễn Văn V đã trực tiếp thu thập tổng số 31 tài khoản Ngân hàng của 22 người khác nhau sau đó chuyển lại thông tin các tài khoản Ngân hàng nêu trên cho Lê Thị Hoài T (trong đó có 11 tài khoản V nhờ người quen lập rồi bán lại cho T thông qua NLQ30, 20 tài khoản do T trực tiếp nhờ V đi hướng dẫn những người khác thông qua Đ và N1 giới thiệu lập tài khoản Ngân hàng rồi chuyển cho T). Quá trình thực hiện Hành vi V hưởng lợi bất chính tổng số tiền 3.750.000 đồng. Đ mới được T trả cho số tiền 500.000 đồng.

Cơ quan CSĐT đã cho Nguyễn Văn V tự đăng nhập vào tài khoản facebook “Viet Nguyen” do V đăng ký và sử dụng. Trong mục tin nhắn của tài khoản này cơ quan điều tra xác định nhiều tin nhắn liên quan đến nội dung thu thập tài khoản Ngân hàng với các tài khoản facebook “Hoài T” của Lê Thị Hoài T, “Hoàng L” của NLQ30” và nhóm chat “Nhóm làm thẻ” do V lập để NLQ43 và NLQ44 giới thiệu người làm thẻ Ngân hàng cho V sau đó cho V tự chụp màn hình lại toàn bộ các nội dung tin nhắn nêu trên và in sao thành 01 tập tài liệu có chữ ký xác nhận của V.

* Quá trình điều tra T còn khai nhận: V thuê một người là bạn của M tại Thành phố H thu mua tài khoản Ngân hàng của nhiều người tại Thành phố H. Đối tượng này sử dụng tài khoản Telegram “Tôm Mỳ” để liên hệ với T. Theo sự chỉ đạo của M, khoảng tháng 11 năm 2021, “Tôm Mỳ” thông qua dịch vụ chuyển phát đã gửi cho T thông tin của 30 tài khoản Ngân hàng khác nhau để T gửi sang Đài Loan cho M. Do thời gian đã lâu, T không nhớ địa chỉ gửi và đơn vị vận chuyển. T khai nhận chưa gặp “Tôm Mỳ” lần nào và cũng không biết thông tin nhân thân, lai lịch của người này. T và “Tôm Mỳ” chỉ liên hệ với nhau qua Telegram. Căn cứ dữ liệu thu được trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 của Lê Thị Hoài T xác định có nhiều tin nhắn giữa tài khoản “Juky24” của T với tài khoản Telegram “Tôm Mỳ” và thu được thông tin của 14 tài khoản cá nhân của 11 người khác nhau mở tại Ngân hàng Techcombank và VIB chi nhánh Hải Phòng. Cụ thể như sau:

1. Nguyễn Văn T1 (sinh năm 2000, trú tại: tổ Trường Chinh 5, phường Quán Trữ, quận Kiến An, Thành phố H) mở 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037584209013 mang tên Nguyễn Văn T1. Quá trình điều tra T1 khai nhận đã nhận được tờ rơi tuyển người mở tài khoản Ngân hàng tại khu vực trường học. Do nghĩ là chạy chỉ tiêu cho Ngân hàng nên T1 đã liên hệ với đối tượng mua tài khoản Ngân hàng thông qua số điện thoại trên tờ rơi để đăng ký mở tài khoản Ngân hàng rồi bán cho đối tượng này với giá 200.000đồng/1 tài khoản. T1 không biết nhân thân lai lịch của đối tượng mua tài khoản nêu trên. Ngoài ra, T1 khai nhận còn đăng ký và bán 01 tài khoản Ngân hàng VIB bằng thông tin chính chủ. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Ngân hàng VIB nhưng chưa xác định được thông tin của tài khoản Ngân hàng trên. T1 đã nhận 400.000 đồng tiền công mở tài khoản.

2. NLQ57 (sinh năm 2001, trú tại: 22/98 Đình Đông, phường Đông Hải, Thành phố H) mở 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037372438012 mang tên NLQ57. Tiến Hnh đấu tranh, M khai nhận đã lập và bán tài khoản Ngân hàng nêu trên cho một đối tượng không quen biết sử dụng tài khoản facebook “Mỳ Tôm” trên mạng internet để chạy quảng cáo, M đã nhận 250.000 đồng tiền công mở tài khoản.

3. NLQ58 (sinh năm 2003, trú tại: 3 + 4 B76 khu Đ1, phường Cát Bi, quận Hải An, Thành phố H) mở 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037584191017 mang tên NLQ58. Quân khai nhận đã lập tài khoản Ngân hàng trên và chuyển cho bạn là NLQ57 (sinh năm 2001, trú tại: 22/98 Đình Đông, phường Đông Hải, Thành phố H) để M chạy quảng cáo. Quân đã nhận số tiền 200.000 đồng tiền công.

4. NLQ59 (sinh năm 1990, trú tại: số nH 3E, tầng 03 tòa nH M5, khu 9 tầng, Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận N, Thành phố H) mở 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037560416018 và 01 tài khoản Ngân hàng VIB số 398820641 cùng mang tên NLQ59. Tuấn khai nhận đã lập và bán các tài khoản Ngân hàng này cho một đối tượng không quen biết trên mạng xã hội facebook cùng với mục đích chạy quảng cáo.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã xác định được thông tin cá nhân của 07 đối tượng là chủ các tài khoản Ngân hàng khác mà T đã thu thập thông tin tài khoản tại Thành phố H. Đã tiến hành triệu tập để làm việc nhưng các đối tượng hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan CSĐT chưa tiến hành triệu tập làm việc được, bao gồm:

1. L2 (sinh năm 2003, HKTT: 25 Đoàn Kết, tổ 12, phường Đ, quận H, Thành phố H) đứng tên đăng ký tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037600408013 mang tên L2.

2. Hoàng Văn M(sinh năm 2001, trú tại: thôn 5, xã C, huyện T, Thành phố H) đứng tên đăng ký tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037560739011 mang tên Hoàng Văn M và tài khoản Ngân hàng VIB số 013422947 mang tên Hoàng Văn M.

3. Hoàng Hải Y (sinh năm 2005, trú tại: thôn 4, xã M, huyện T, Thành phố H) đứng tên đăng ký 01 tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19037560644010 và tài khoản VIB số 227092005 mang tên Hoàng Hải Y.

4. Đặng Kim H (sinh năm 1996, trú tại: 16/276 C, phường D, quận L, Thành phố H) đứng tên đăng ký 01 tài khoản Techcombank số 19035784922013 mang tên Đặng Kim H.

5. Bùi Thị H (sinh năm 1998, trú tại: đội 7, xã A, huyện T, Thành phố H) đứng tên đăng ký 01 tài khoản Ngân hàng VIB số 013422052 mang tên Bùi Thị H.

6. Trần Đức C (sinh năm 1991, trú tại: 38/2 N, phường Đ, quận N, Thành phố H): 01 tài khoản Ngân hàng VIB số 012704060095827 mang tên Trần Đức C.

7. Chu Xuân D (sinh năm: 1999, trú tại: 23/82/185 C, phường D, quận L, Thành phố H) đứng tên đăng ký 01 tài khoản Ngân hàng VIB số 335501690 mang tên Chu Xuân D.

Quá trình điều tra Lê Thị Hoài T tự đăng nhập vào tài khoản Telegram “Juky24” đăng ký bằng số điện thoại 0986520121 và tài khoản facebook “Hoài T” do T đăng ký và sử dụng. Tại mục tin nhắn của các tài khoản này phát hiện có nhiều tin nhắn của T với các tài khoản Telegram “Max mad” và tài khoản Telegram “Tôm Mỳ” của đối tượng thu mua tài khoản Ngân hàng tại Hải Phòng (trên hai tài khoản không thể hiện các nội dung thông tin chủ tài khoản); các tài khoản Facebook “V” của V (trên tài khoản không thể hiện nội dung thông tin chủ tài khoản), “Hoàng L” của NLQ30, “V Nguyễn” của Nguyễn Văn V, “Đ cậ” của NLQ43 và “Minh N1” của NLQ44 thể hiện nội dung giao dịch mua bán thông tin các tài khoản Ngân hàng. Cơ quan CSĐT đã cho T tự chụp lại và in sao toàn bộ các nội dung tin nhắn nêu trên, ký tên xác nhận từng trang.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 chiếc điện thoại của Lê Thị Hoài T bao gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh dương, 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart và 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu trắng. Ngày 23/03/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định giám định phục hồi dữ liệu điện tử đối với 04 chiếc điện thoại đã thu giữ của Lê Thị Hoài T. Tại Bản kết luận giám định số 436/KL – KTHS ngày 31/03/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N xác định trong 03 điện thoại thu giữ của Lê Thị Hoài T đã phát hiện các thông tin, dữ liệu, tài liệu liên quan đến Hành vi vi phạm của các đối tượng phù hợp với tài liệu mà Cơ quan CSĐT đã in sao trước đó. Còn lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh dương không phát hiện thu giữ tài liệu gì liên quan đến Hành vi phạm tội của T.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, đến nay xác định Lê Thị Hoài T thông qua Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V, NLQ30, NLQ43, NLQ44 và đối tượng sử dụng tài khoản Telegram “Tôm Mỳ” đã thu thập thông tin 88 tài khoản Ngân hàng của 58 người khác nhau.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V đã T khẩn khai nhận Hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

* Trong vụ án này, các đối tượng đã làm tài khoản Ngân hàng sau đó cung cấp hoặc bán lại cho các bị cáo. Hành vi của các đối tượng này không cấu T tội phạm, tuy nhiên căn cứ các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Ngân hàng, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã xử lý hành chính, tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau, cụ thể:

- Đối với NLQ44: là đối tượng không trực tiếp bán tài khoản cho T nhưng đã giới thiệu 07 người (bao gồm: NLQ46, NLQ47, NLQ48, NLQ49, NLQ50, NLQ51, NLQ52) lập và bán lại 14 tài khoản Ngân hàng. Tuy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng căn cứ điểm a khoản 6 Điều 28 Nghị định 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng, hành vi của NLQ44 bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do thời điểm thực hiện hành vi vi phạm của NLQ44 trước ngày 14/12/2022, khi đó N1 đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định “Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người T niên”. Do vậy, khung hình phạt áp dụng đối với NLQ44 về Hành vi này là phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Đối với NLQ30 là đối tượng tự sử dụng thông tin cá nhân đăng ký và bán lại cho T 03 tài khoản Ngân hàng. Ngoài ra, L còn mua lại 15 tài khoản Ngân hàng của NLQ31, Nguyễn Văn V và 11 tài khoản của 11 người bạn khác của V thông qua V. Tổng số tài khoản mà L thu thập chưa đủ lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 28 Nghị định 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng, Hành vi của các NLQ30 bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về thẩm quyền xử phạt: Căn cứ khoản 1 điều 54 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP của Chính Phủ; điểm k khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 3 Điều 38 và điểm b khoản 6 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, có quyền xử phạt đến mức tối đa (01 tỷ đồng) đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng. Tại khoản 5 Điều 55 Nghị định 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 6 Điều 28 của Nghị định này. Công an tỉnh Nam Định đang phối hợp và đề nghị Cục Trưởng Cục CSĐTTP về TTXH – Bộ Công an ra quyết định xử phạt vi phạm Hành chính đối với NLQ30 và NLQ44.

- Đối với đối tượng NLQ43: Tuy không trực tiếp sử dụng thông tin cá nhân đăng ký tài khoản Ngân hàng bán lại cho người khác nhưng Đ đã trực tiếp giới thiệu cho T và V 04 người (bao gồm: Trần N1 H, NLQ53, NLQ55 và NLQ54) lập và bán 04 tài khoản Ngân hàng cho T và nhận được tiền công do T

trả là 500.000 đồng. Do vậy, Đ phải chịu trách nhiệm về việc thu thập 4 tài khoản Ngân hàng của 4 người nêu trên. Căn cứ Điểm c, Khoản 5 Điều 28 Nghị định 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng, Giám đốc Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định xử phạt VPHC với mức phạt tiền là 40.000.000 đồng đối với NLQ43.

- Đối với các đối tượng NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ9, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ18, NLQ19, NLQ20, NLQ21, NLQ22, NLQ27, NLQ28, NLQ29, NLQ32, NLQ33, NLQ34, NLQ35, NLQ36, NLQ38, NLQ39, NLQ37, NLQ40, NLQ41, NLQ42, NLQ45, NLQ47, NLQ48, NLQ49, NLQ51, NLQ53, NLQ55, Nguyễn Văn T1, NLQ58, NLQ57, NLQ59, NLQ31 là các đối tượng đã tự sử dụng thông tin cá nhân đăng ký mở tài khoản Ngân hàng để bán lại cho các đối tượng T, H, L và V với số lượng mỗi đối tượng từ 01 đến dưới 03 tài khoản. Căn cứ Điểm c khoản 5 Điều 28 Nghị định 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng, Giám đốc Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định xử phạt VPHC phạt tiền 40.000.000 đồng đối với mỗi đối tượng nêu trên.

- Đối với các đối tượng NLQ52, NLQ1, NLQ16, NLQ2, NLQ7, NLQ50, NLQ10, NLQ46, NLQ11, NLQ54, NLQ6, NLQ8, NLQ17, NLQ26, NLQ24, NLQ23, NLQ25 với số lượng mỗi đối tượng từ 01 đến dưới 03 tài khoản. Căn cứ Điểm c khoản 5 Điều 28 Nghị định 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm Hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng; Hành vi của các đối tượng này bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do thời điểm thực hiện hành vi vi phạm các đối tượng trên đều trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định “Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người T niên”. Do vậy, khung hình phạt áp dụng đối với các đối tượng trên về Hành vi này là phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Giám đốc Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định xử phạt VPHC phạt tiền 20.000.000 đồng đối với mỗi đối tượng nêu trên.

- Đối với V là đối tượng trực tiếp chỉ đạo T thu mua tài khoản Ngân hàng của nhiều người tại Việt Nam. Toàn bộ các tài khoản Ngân hàng sau khi mua được, Lê Thị Hoài T đều chuyển cho M. M là người chi trả chi phí để T mua các tài khoản Ngân hàng. Ngoài ra, M còn thuê đối tượng “Tôm Mỳ” để thu mua tài khoản Ngân hàng của nhiều người tại Thành phố H sau đó thông qua T để chuyển sang Đài Loan cho M. Theo lời khai của T, M nói cho T biết sau khi mua được tài khoản M bán lại cho các đối tượng khác để thực hiện Hành vi rửa tiền. Ngoài ra, căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, V là người chỉ đạo Lê Thị Hoài T khóa tài khoản Techcombank số 19037404040016 mang tên NLQ31 sau đó mở khóa tài khoản và chuyển toàn bộ số tiền 252.000.000 đồng có trong tài khoản đến tài khoản mang tên NLQ9. Hiện V đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình điều tra đến nay chỉ thu được tin nhắn của

T thông qua mạng xã hội Telegram “Max mad” và tài khoản Facebook “V” mà T khai nhận là các tài khoản của M. Trên các tài khoản này không thể hiện các thông tin cá nhân của chủ tài khoản; hệ thống mạng xã hội Telegram và Facebook không cung cấp thông tin người dùng và các dữ liệu người dùng trên các trang mạng này. Do vậy, đến nay các tài liệu điều tra thu thập được chưa đủ căn cứ chứng minh các tài khoản này là do V sử dụng để nhắn tin với T.

- Đối với Lê Thị Hoài T2 là chị gái của bị cáo T, quá trình điều tra vụ án bị cáo T khai nhận hiện T2 và M đều là lao động bất hợp pháp và sinh sống với nhau như vợ chồng tại Đài Loan, T quen biết và nói chuyện với M thông qua T2. Quá trình giao dịch thu thập, mua bán tài khoản Ngân hàng theo T khai chỉ nhắn tin qua Telegram và Facebook với M, không nói chuyện gì với T2 về việc này. Do vậy, chưa có đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với T2.

Cơ quan CSĐT đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tương trợ tư pháp để làm rõ Hành vi của M và T2, đồng thời xem xét trực xuất hai đối tượng V và Lê Thị Hoài T2 về Việt Nam để phục vụ công tác đấu tranh, làm rõ Hành vi của hai đối tượng này và xử lý theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn điều tra, Cơ quan CSĐT tách phần tài liệu liên quan đến hai đối tượng này ra để điều tra, xử lý sau.

- Đối với Hành vi của Lê Thị Hoài T và NLQ30 có khóa tài khoản Techcombank số 19037404040016 mang tên NLQ31, sau đó T đã chuyển toàn bộ số tiền 252.000.000 đồng có trong tài khoản đến tài khoản mang tên NLQ9 theo sự chỉ đạo của V. Quá trình điều tra đến nay chưa xác định được nguồn gốc số tiền 252.000.000 đồng là tiền gì, cũng chưa xác định được thông tin về đối tượng bị hại, hiện tại chưa xác định được số tài khoản và nhân thân lai lịch của chủ tài khoản mang tên NLQ9. Số tiền 252.000.000 đồng sau khi chuyển vào tài khoản NLQ9 thì các đối tượng sử dụng vào mục đích gì, đồng thời chưa triệu tập đấu tranh được với V nên chưa đủ căn cứ chứng minh V, Lê Thị Hoài T và NLQ30 có Hành vi chiếm đoạt số tiền trên. Cơ quan CSĐT tách phần tài liệu này ra để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với đối tượng sử dụng tài khoản Telegram “Tôm Mỳ” là đối tượng đã thu thập tài khoản Ngân hàng của nhiều người tại Hải Phòng chuyển lại cho T để T chuyển cho V. Quá trình điều tra đến nay chưa đủ thông tin về nhân thân lai lịch của đối tượng này để triệu tập, đấu tranh. Cơ quan CSĐT tách phần tài liệu này ra để tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu, xử lý sau theo quy định.

- Đối với 7 đối tượng L2, H1, H2, Đ1, T3, H3 và D là chủ 9 tài khoản Ngân hàng mà T khai nhận được đối tượng “Tôm Mỳ” gửi thông tin để chuyển cho M. Quá trình điều tra xác định 7 đối tượng này không có mặt tại địa phương nên Cơ quan CSĐT chưa triệu tập để đấu tranh làm rõ Hành vi liên quan đến 9 tài khoản Ngân hàng này được. Do đó chưa đủ căn cứ và biện pháp xử lý đối với 7 đối tượng và 9 tài khoản Ngân hàng này. Cơ quan CSĐT đã tách phần tài liệu này ra để điều tra, xử lý sau.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSND-P2 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N truy tố Lê Thị Hoài T về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật hình sự.

Truy tố Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng” theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V đều thừa nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không bị oan sai. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Thanh, H, V đều xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xin xử cho các bị cáo một mức hình phạt thấp nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ Hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Bị cáo Lê Thị Hoài T từ 05 tháng đến 06 tháng tù; Phạt tiền Nguyễn Thanh H từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng; Phạt tiền Nguyễn Văn V từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Bản tường trình; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khi được đối tượng tên là V (hiện đang sinh sống tại Đài Loan) trao đổi về việc thu, mua tài khoản Ngân hàng của những người ở Việt

Nam gửi sang Đài Loan cho M; tháng 7/2021, Lê Thị Hoài T đã nhờ Nguyễn Thanh H tìm và mua tài khoản Ngân hàng đưa cho T. H đồng ý và đã tìm, mua được 43 tài khoản của 29 người tại khu vực huyện H và huyện X, tỉnh N. Trong thời gian này, T thuê Nguyễn Văn V tìm và hướng dẫn người mở tài khoản Ngân hàng để đưa cho T; V đồng ý và đã tìm, mua được 31 tài khoản Ngân hàng của 24 người trên địa bàn Thành phố N và huyện N đưa cho T. Ngoài ra, T tự tìm mua tài khoản Ngân hàng và thông qua đối tượng có tên tài khoản mạng xã hội là “Tôm Mỹ” thu thập được 14 tài khoản của một số người trên địa bàn tỉnh N và Thành phố H. T thu thập thông tin tài khoản Ngân hàng của người khác đến ngày 07/01/2022 thì bị phát hiện bắt giữ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến ngày 07/01/2022, Lê Thị Hoài T đã trực tiếp hoặc thông qua các đối tượng khác thu, mua được 88 tài khoản Ngân hàng của nhiều người trên địa bàn tỉnh N và Thành phố H để gửi sang Đài Loan cho V. Trong đó, Nguyễn Thanh H giúp sức cho T thu thập được 43 tài khoản; Nguyễn Văn V thu thập được 31 tài khoản chuyển cho T.

Hành vi nêu trên của Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu T tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng”; đối với Lê Thị Hoài T theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật hình sự; đối với Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V theo quy định tại khoản 1 Điều 291 của Bộ luật hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm vào những quy định của nhà nước về bảo vệ quyền sở hữu tài sản của công dân; xâm phạm vào những quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn mạng máy tính, mạng viễn thông... Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo khai báo T khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với Hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần ấn định cho bị cáo T mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, xét bị cáo

T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam cũng đủ răn đe giáo dục và cũng phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội nên cần tuyên cho bị cáo T mức hình phạt đúng bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội nào khác.

Trong vụ án này cũng cần xem xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo đồng phạm. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia với vai trò là người giúp sức nên không cần cách ly ra khỏi xã hội mà cho được cải tạo tại địa phương và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo này. Như vậy vừa có tác dụng răn đe, giáo dục, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải đối với hành vi vi phạm của mình nhưng cũng đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là sinh viên, sống phụ thuộc, không có công ăn việc làm nên Hội đồng xét xử xét và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T; bị cáo H và V đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nữa.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên toà, xác định: Lê Thị Hoài T được hưởng lợi trong việc thu thập, mua bán thông tin tài khoản Ngân hàng với số tiền 10.000.000 đồng; Nguyễn Văn V được hưởng lợi với số tiền 3.750.000 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu sau: 17 thẻ ATM của các Ngân hàng bao gồm:

- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623378880000 mang tên Le Thi Hong Anh.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368634389198771 mang tên Nguyen Thi Quy.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368693253151837 mang tên Pham Thi Huong Giang.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368620120107015 mang tên Le Thi Hoai Thanh.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368655251364167 mang tên Mai Truong Giang.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623386993011 mang tên Nguyen Thanh Hai.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368640031646992 mang tên Nguyen Thanh Cong.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623369188019 mang tên Vu Huyen Diu.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623378540010 mang tên Dinh Thi Bich Ngoc.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368697556291786 mang tên Nguyen Linh.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368689021433713 mang tên Nguyen Phuong.

- + Thẻ ATM Ngân hàng BIDV số 9704180000038170767 mang tên Le Thi Nam.
- + Thẻ ATM Ngân hàng BIDV số 9704180000038168720 mang tên Dinh Thi Bich Ngoc.
- + Thẻ ATM Ngân hàng BIDV số 9704180000038170783 mang tên Mai Thi Hong Nhung.
- + Thẻ ATM Ngân hàng Vietinbank số 9704150117742398 mang tên Mai Thi Hong Nhung.
- + Thẻ ATM Ngân hàng Vietinbank số 9704150111359041 mang tên Do Tuan Phuoc.
- + Thẻ ATM Ngân hàng Agribank số 9704050858297422 mang tên Le Thi Hoai Thanh.

17 thẻ Ngân hàng trên đều có liên quan đến tội phạm, đều không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Thẻ ATM Ngân hàng MBbank số 9704222047888862 mang tên Le Thi Hoai Thanh, không có liên quan đến tội phạm nên cần tuyên trả lại cho Lê Thị Hoài T

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 036301006617 mang tên Lê Thị Hoài T; Là giấy tờ tùy thân nên tuyên trả lại cho Lê Thị Hoài T.

- 28 thẻ đựng khay sim điện thoại di động không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, bên trong gắn sim số điện thoại 0356063803 của Lê Thị Hoài T; Xác định có liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nH nước.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh dương bên trong có gắn sim điện thoại 0345699827 thu giữ của Lê Thị Hoài T; Xác định có liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

- 02 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart đã qua sử dụng của Lê Thị Hoài T; Xác định có liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu đỏ thu giữ của Nguyễn Văn V; Xác định có liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng”

2. Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Lê Thị Hoài T 05 (năm) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2022. Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Thị Hoài T, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

3. Áp dụng: khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thanh H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tuyên truy thu của các bị cáo số tiền đã chiếm hưởng bất chính để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

+ Lê Thị Hoài T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

+ Nguyễn Văn V 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn)

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 17 thẻ ATM, bao gồm:

- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623378880000 mang tên Le Thi Hong Anh.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368634389198771 mang tên Nguyen Thi Quy.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368693253151837 mang tên Pham Thi Huong Giang.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368620120107015 mang tên Le Thi Hoai Thanh.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368655251364167 mang tên Mai Truong Giang.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623386993011 mang tên Nguyen Thanh Hai.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368640031646992 mang tên Nguyen Thanh Cong.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623369188019 mang tên Vu Huyen Diu.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368623378540010 mang tên Dinh Thi Bich Ngoc.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368697556291786 mang tên Nguyen Linh.
- + Thẻ ATM Ngân hàng VCB số 9704368689021433713 mang tên Nguyen Phuong.
- + Thẻ ATM Ngân hàng BIDV số 9704180000038170767 mang tên Le Thi Nam.
- + Thẻ ATM Ngân hàng BIDV số 9704180000038168720 mang tên Dinh Thi Bich Ngoc.
- + Thẻ ATM Ngân hàng BIDV số 9704180000038170783 mang tên Mai Thi Hong Nhung.
- + Thẻ ATM Ngân hàng Vietinbank số 9704150117742398 mang tên Mai Thi Hong Nhung.
- + Thẻ ATM Ngân hàng Vietinbank số 9704150111359041 mang tên Do Tuan Phuoc.
- + Thẻ ATM Ngân hàng Agribank số 9704050858297422 mang tên Le Thi Hoai Thanh.

- Tuyên trả lại cho Lê Thị Hoài T: Thẻ ATM Ngân hàng MBbank số 9704222047888862 mang tên Le Thi Hoai Thanh; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 036301006617 mang tên Lê Thị Hoài T.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 28 thẻ đựng khay sim điện thoại di động.

- Tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, bên trong gắn sim số điện thoại 0356063803; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh dương bên trong có gắn sim điện thoại 0345699827; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu đỏ.

(Chi tiết cụ thể theo biên bản giao, nhận tài sản thi hành án số 49/22 ngày 11-5-2022 giữa phòng PC02 - Công an tỉnh Nam Định với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

6. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo Lê Thị Hoài T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mai Thị Minh Hồng
(Đã ký)**